BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG **HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025 (ĐỢT 2)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 56/TB-HĐTDVC	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự phổ biến nội dung Phỏng vấn Vòng 2 - kỳ Tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) tại Bệnh viện Trưng Vương

Căn cứ Quyết định số 4430/QĐ-SYT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Trưng Vương trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ theo Kế hoạch số 1946/KH-BVTV ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện Trưng Vương về việc Xét tuyển viên chức năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ theo Quyết định số 1692/QĐ-BVTV ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Trưng Vương về việc phê duyệt Kế hoạch xét tuyển viên chức Bệnh viện Trưng Vương năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BVTV ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Trưng Vương về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Trưng Vương năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BVTV ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Trưng Vương về việc thành lập Ban Giám sát Hội đồng tuyển dụng viên chức Bệnh viện Trưng Vương năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-BVTV ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Trưng Vương về ban hành Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự Vòng 2 – Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) của Bệnh viện Trưng Vương;

Căn cứ Thông báo số 55/TB-HĐTDVC ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) về thông báo danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn và không đủ điều kiện. tiêu chuẩn tham dự Vòng 2 – Kỳ Tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) của Bệnh viện Trưng Vương;

Thực hiện đúng trình tự và thủ tục quy định, Bệnh viện Trưng Vương thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự phổ biến nội dung Phỏng vấn Vòng 2 - Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) tại bệnh viện, cụ thể như sau:

1. Thời gian triệu tập thí sinh:

Thời gian triệu tập: Lúc 14 giờ 00 phút, thứ sáu, ngày 16/01/2026

Địa điểm: Hội trường Bệnh viện Trưng Vương, 266 Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 266 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh).

Nội dung: Hướng dẫn quy chế, nội quy của tuyển dụng viên chức, nội dung ôn tập và các thông tin cần thiết trước khi tham dự Phỏng vấn Vòng 2 – Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) tại Bệnh viện Trưng Vương.

2. Thời gian đóng lệ phí xét tuyển:

+ Trực tuyến:

Đóng tiền qua hình thức chuyển khoản cho Bệnh viện qua số tài khoản 1603201043487, tên chủ tài khoản: Bệnh viện Trưng Vương, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt .

Nội dung ghi: Số thứ tự, Họ tên, chức danh dự tuyển, XTVC 2025-2

(Ví dụ: 01, Nguyễn Văn A, Bác sĩ, XTVC 2025-2)

(Thí sinh đóng lệ phí dự tuyển bằng hình thức chuyển khoản vui lòng gọi điện thoại 028.38656744 - sau đó bấm số 9- gặp Tổng đài nối máy đến phòng Tài chính kế toán gặp bà Nguyễn Huỳnh Thu Hương-P.TCKT để xác nhận lại Bệnh viện đã nhận được lệ phí dự tuyển của thí sinh chưa)

+ Trực tiếp:

Đóng tiền tại Phòng Tài chính kế toán, Lầu 5, 266 Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: 266 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh).

+ Thời gian đóng lệ phí: **Từ ngày 14/01/2026 đến hết ngày 16/01/2026**

+ Mức đóng: 500.000 đồng/ thí sinh (theo quy định tại Thông tư 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính).

3. Thời gian, địa điểm kiểm tra sát hạch Vòng 2 (Phỏng vấn):

Thời gian: Lúc 13 giờ 30 phút, ngày 20/01/2026 (Thứ ba)

Địa điểm: Hội trường Bệnh viện Trưng Vương, 266 Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, TP.Hồ Chí Minh.

4. Hình thức kiểm tra sát hạch:

- Phỏng vấn trực tiếp và chấm điểm phỏng vấn theo nguyên tắc mỗi thí sinh dự thi phải có ít nhất 02 thành viên trở lên chấm điểm.
- Mỗi thí sinh có 10 phút để chuẩn bị, được tính kể từ khi bốc thăm xong câu hỏi kiểm tra, sát hạch.
- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

5. Nội dung kiểm tra sát hạch:

+ **Môn Tiếng Anh**: 30 câu hỏi trắc nghiệm trên giấy (30 phút). Thí sinh **Đạt** khi có số câu trả lời đúng từ 15 cầu hỏi/30 câu hỏi.

Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100, cụ thể:

+ Môn Kiến thức chung áp dụng cho tất cả vị trí: 40 điểm (02 câu hỏi-mỗi câu hỏi 20 điểm)

Gồm các nội dung:

- Luật Viên chức 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
- Quy tắc ứng xử đối với nhân viên ngành Y tế (Thông tư 07/2014/TT-BYT ngày 25/02/2014 của Bộ Y tế); Quyết định 67/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của

Ủy ban Nhân dân Thành phố ban hành quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- 12 điều Y đức của nhân viên ngành Y tế;
- Luật khám bệnh, chữa bệnh (15/2023/QH15 ngày 09/01/2023)
- Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 về xử lý kỷ luật công chức, viên chức và Nghị định 71/2023/NĐ-CP ngày 20/09/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18/09/2020 về xử lý kỷ luật công chức, viên chức.

+ Môn Kiến thức chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp với vị trí tuyển dụng: 60 điểm (02 câu hỏi – mỗi câu hỏi 30 điểm)

6. Thời gian phỏng vấn sát hạch

- Thời gian tối đa không quá 30 phút, mỗi thí sinh bốc thăm 01 bộ Đề phỏng vấn
- Thời gian chuẩn bị: Không quá 10 phút
- Thời gian trả lời phỏng vấn sát hạch: Không quá 20 phút

7. Các yêu cầu đối với thí sinh

- Đề nghị các thí sinh phải hoàn tất đóng lệ phí dự tuyển từ ngày 14/01/2026 đến hết ngày 16/01/2026 theo đúng quy định. Trường hợp **sau ngày 16/01/2026** các **thí sinh không hoàn tất đóng lệ phí dự tuyển xem như không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự Phỏng vấn Vòng 2 – Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2).**

- Các thí sinh có mặt tại địa điểm kiểm tra sát hạch trước 30 phút để sinh hoạt nội quy xét tuyển Vòng 2 (Phỏng vấn). Trường hợp thí sinh đi trễ hoặc vắng mặt xem như tự ý không tham gia kỳ kiểm tra sát hạch xét tuyển và sẽ được Hội đồng lập biên bản ghi nhận.
- Thí sinh phải mang theo Căn cước công dân để trình cho Hội đồng tuyển dụng và Ban Kiểm tra sát hạch khi vào phòng phỏng vấn Vòng 2 – Kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2).
- Đề nghị các thí sinh ăn mặc lịch sự, không mặc đồ chuyên môn làm việc (áo blouse trắng, đồng phục của bệnh viện), tác phong nghiêm túc theo đúng nội quy.

Trên đây là Thông báo triệu tập thí sinh tham gia phổ biến nội dung Vòng 2 (Phỏng vấn) – kỳ tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) của Bệnh viện Trưng Vương được đăng tải, niêm yết công khai và gửi đến các thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia Vòng 2 (Phỏng vấn)./.

(danh sách đính kèm)

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế TP.HCM;
- BGĐ BV;
- HĐTDVC ;
- Ban Giám sát BVTV;
- Ban kiểm tra sát hạch BVTV;
- Thí sinh đủ điều kiện dự tuyển;
- Website BVTV;
- Lưu: VT,TCCB (LTHN/03b).

TM.HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

Phó Giám đốc
TS.BS. Lê Nguyễn Quyền

BỆNH VIỆN TRUNG VƯƠNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2025 (ĐỢT 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ PHỎNG VẤN VÒNG 2 - KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025 (ĐỢT 2) TẠI BỆNH VIỆN TRƯNG VƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông báo số 56/TB-HĐTDVC ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2025 (Đợt 2) Bệnh viện Trưng Vương)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
1	Lê Văn Minh Tuệ	Nam	26/4/1989	046089005007	Nội trú, CKI, Thạc sĩ	-Ngoại khoa -Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	/	x	Bác sĩ	Bác sĩ (hạng III)	Phòng Chỉ đạo tuyến	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
2	Nguyễn Quang Học	Nam	20/8/1998	079098016392	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ điều trị nội	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Cấp cứu	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
3	Nguyễn Thị Kim Dung	Nữ	27/4/1993	079193013165	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	/	x	Bác sĩ điều trị nội	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Thận-Thận nhân tạo	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
4	Nguyễn Thiên Thanh	Nữ	31/3/1995	083195000269	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ điều trị nội	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Tiêu hóa-Tiết niệu	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	29/12/1995	051195007870	Chuyên khoa cấp I	Nội Tổng quát	Tiếng Anh B1	x	Bác sĩ điều trị nội	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tiết-Tổng hợp	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
6	Bùi Thị Xuân	Nữ	28/8/1996	037196005809	Thạc sĩ	Nội khoa	Tiếng Anh Aptis Esol 154/200 tương đương B2	x	Bác sĩ điều trị nội	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nội tiết-Tổng hợp	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
7	Phạm Hồng Thái	Nam	19/5/1997	089097003578	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 3	x	Bác sĩ điều trị nội	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhiễm	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
8	Cao Thị Tú Trinh	Nữ	02/9/2000	080300006719	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 3	x	Bác sĩ điều trị nội	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Nhiễm	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
9	Nguyễn Hoàng Vĩ	Nam	31/7/1996	080096002575	Đại học	Bác sĩ y khoa	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	x	Bác sĩ ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Ngoại thận-Tiết niệu	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	Miễn thi Tiếng Anh do có bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh
10	Lâm Minh Tuấn	Nam	13/6/1998	079098028337	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chấn thương chỉnh hình	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
11	Nguyễn Thành Đạt	Nam	18/06/1995	080095000045	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chấn thương chỉnh hình	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
12	Nguyễn Lê Duy	Nam	06/8/1998	051098000301	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chấn thương chỉnh hình	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
13	Nguyễn Phúc Tiến	Nam	17/12/1995	079095021436	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ ngoại khoa	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chấn thương chỉnh hình	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
14	Dương Quang Thảo	Nam	03/9/1975	079075019797	Chuyên khoa cấp I	Hồi sức cấp cứu-Chống độc	*Tiếng Anh Bậc 3, Pháp C Bằng *Thạc sĩ Y tế cộng đồng tại Pháp	x	Bác sĩ Gây mê hồi sức	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	Miễn thi Tiếng Anh do có Bằng Thạc sĩ Y tế cộng đồng tại Pháp
15	Nguyễn Đoàn Công Thành	Nam	02/8/1996	079096013323	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 4	x	Bác sĩ Gây mê hồi sức	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
16	Lê Minh Phước Thới	Nam	31/8/1999	086099009527	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 4	x	Bác sĩ Gây mê hồi sức	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
17	Huỳnh Thị Như Diễm	Nữ	11/6/1998	066198017924	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Aptis Esol 175/200 tương đương C1	x	Bác sĩ Gây mê hồi sức	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
18	Nguyễn Tiến Mạnh	Nam	01/01/1996	075096000328	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 3	x	Bác sĩ Gây mê hồi sức	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
19	Bùi Minh Tiến	Nam	01/02/1990	083099003390	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 4	x	Bác sĩ Gây mê hồi sức	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Gây mê hồi sức	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
20	Nguyễn Tấn Thủ	Nam	09/7/1993	096093011197	Chuyên khoa cấp I	Chẩn đoán hình ảnh	/	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
21	Phạm Duy Ngọc	Nam	07/6/1996	083096000074	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
22	Nguyễn Thị Như Niệm	Nữ	26/3/1997	087197001722	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
23	Nguyễn Xuân Linh	Nam	07/12/1996	045096007039	Đại học	Bác sĩ y khoa	*Tiếng Anh Bậc 3/6 (B1) *Tiếng Anh IETS 6.5 tương đương Tiếng Anh B2	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
24	Trần Ngọc Ánh	Nữ	20/4/1997	079197012085	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 3	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Dân tộc Hoa	Đạt	
25	Nguyễn Thị Ngọc Duy	Nữ	24/02/2000	066300006305	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh IELTS 6.5 tương đương Tiếng Anh B2	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
26	Lê Thị Châu Thoa	Nữ	18/01/1999	082199005580	Đại học	Bác sĩ y khoa	/	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
27	Ngô Thị Kim Anh	Nữ	22/8/1999	051199011419	Đại học	Bác sĩ y khoa	Tiếng Anh Bậc 4	x	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ (hạng III)	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.01.03	Không	Đạt	
28	Trần Thị Cẩm Nhung	Nữ	25/04/2000	080300000256	Đại học	Điều dưỡng	Tiếng Anh B2	x	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng chăm sóc	Khoa Tiêu hóa-Tiết niệu	Không	V.08.05.12	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
29	Phan Thị Mỹ Lan	Nữ	09/12/1992	080192014105	Cao đẳng	Điều dưỡng	Tiếng Anh B1	x	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng chăm sóc	Khoa Tai mũi họng	Không	V.08.05.13	Không	Đạt	
30	Lê Như Hảo	Nữ	18/4/1996	079196006338	Cao đẳng	Điều dưỡng	/	x	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng chăm sóc	Khoa Nội tiết Tổng hợp	Không	V.08.05.13	Không	Đạt	
31	Nguyễn Hoài Phong	Nam	19/9/1995	080095013298	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	Tiếng Anh A2	x	Kỹ thuật y chẩn đoán hình ảnh	Kỹ thuật y hạng III	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	Không	V.08.07.18	Không	Đạt	
32	Võ Thị Thanh Hoa	Nữ	02/11/1986	082186022019	Cao đẳng	Hộ sinh	Tiếng Anh B	x	Hộ sinh chăm sóc	Hộ sinh hạng IV	Khoa Phụ sản	Không	V.08.06.16	Không	Đạt	
33	Huỳnh Lê Ngọc Khanh	Nữ	08/9/2003	079303030374	Đại học	Y tế công cộng	Tiếng Anh Bậc 3	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Điều dưỡng	Không	V.08.04.10	Không	Đạt	
34	Ngô Hà Phi Yến	Nữ	15/01/2003	087303005963	Đại học	Y tế công cộng	/	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Chỉ đạo tuyến	Không	V.08.04.10	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
35	Đặng Thị Ngọc Tưởng	Nữ	10/12/1995	054195008086	Đại học	Y tế công cộng	Tiếng Anh B1	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Chỉ đạo tuyến	Không	V.08.04.10	Không	Đạt	
36	Lê Đình Đăng Khôi	Nam	24/5/2002	079202001147	Đại học	Y tế công cộng	Tiếng Anh Bậc 3	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Chỉ đạo tuyến	Không	V.08.04.10	Không	Đạt	
37	Tôn Nữ Như Phụng	Nữ	23/5/1996	082196004354	Đại học	Y tế công cộng	Tiếng Anh B2	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Phòng Chỉ đạo tuyến	V.08.04.10	Không	Đạt	
38	Đoàn Trần Quang Nhật	Nam	24/12/2001	079201000826	Đại học	Y tế công cộng	/	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Không	V.08.04.10	Không	Đạt	
39	Trương Gia Hân	Nữ	25/4/2001	079301028793	Đại học	Y tế công cộng	/	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Chỉ đạo tuyến	Không	V.08.04.10	Dân tộc Hoa	Đạt	
40	Nguyễn Hoàng Diễm Trâm	Nữ	24/01/1995	083195007888	Đại học	Y tế công cộng	Bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Chỉ đạo tuyến	Phòng Kế hoạch tổng hợp	V.08.04.11	Không	Đạt	Miễn thi Tiếng Anh do có bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
41	Huỳnh Lê Vy	Nữ	27/3/2002	079302011786	Đại học	Y tế công cộng	Tiếng Anh Bậc 3	/	Y tế công cộng	Y tế công cộng hạng III	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Không	V.08.04.11	Không	Đạt	
42	Lê Minh Bảo	Nam	13/4/1981	079081012498	Đại học	Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử, Điện công nghiệp	Tiếng Anh A2	/	Kỹ sư	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư thiết bị y tế	Không	V.05.02.07	Không	Đạt	
43	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	06/4/1995	079095028831	Đại học	* Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông * Kế toán	Tiếng Anh Bậc 3	/	Kỹ sư	Kỹ sư (hạng III)	Phòng Vật tư thiết bị y tế	Không	V.05.02.07	Hoàn thành NVQS	Đạt	
44	Dương Quang Dũng	Nam	07/5/2002	079202005944	Đại học	Hệ thống thông tin	Tiếng Anh TOEIC 550	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Không	Đạt	
45	Hàng Phước Thọ	Nam	24/8/1983	056083000306	Đại học	Mạng và viễn thông	/	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
46	Giang Tấn Bi	Nam	17/4/1978	079078014086	Đại học	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Dân tộc Hoa	Đạt	
47	Ông Thành Trí	Nam	13/3/1987	079087002719	Đại học	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh TOEIC 525	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Không	Đạt	
48	Nguyễn Bình Phong	Nam	30/7/1984	072084010047	Đại học	Công nghệ thông tin	/	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Không	Đạt	
49	Võ Anh Văn	Nam	18/12/1982	079082002337	Đại học	Công nghệ thông tin	Bằng Cử nhân Ngữ Văn Anh	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Không	Đạt	Miễn thi Tiếng Anh do có bằng Cử nhân Ngữ Văn Anh
50	Trần Duy Thịnh	Nam	15/12/2000	079200019607	Đại học	Công nghệ thông tin- Công nghệ phần mềm và hệ thống thông tin	Tiếng Anh Bậc 3	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Không	Đạt	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/ Căn cước	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Có Chứng chỉ hành nghề y (X)	Vị trí đăng ký	Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1	Ghi chú
										Chức danh đăng ký	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1	Nơi đăng ký dự tuyển nguyện vọng 2	Mã số			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
51	Trần Cao Tiến	Nam	12/10/2002	079202010323	Đại học	Kỹ thuật phần mềm	/	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Không	Đạt	
52	Đặng Vũ Linh	Nam	16/12/1997	093097000100	Đại học	Công nghệ thông tin	Tiếng Anh B1	/	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin hạng III	Phòng Công nghệ thông tin	Không	V.11.06.14	Hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND (Quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ)	Đạt	